TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30** /2026/HS-ST
Ngày 11 – 02 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thân – Giáo viên

2. Ông Dương Quốc Hưng – Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2- Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đại Dương - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2026/TLST- HS, ngày 08 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2026/QĐXXST- HS ngày 27 tháng 01 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lưu Thanh P**, sinh ngày 27/9/2007

Nơi thường trú: Tổ dân phố N, phường S, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lưu Ánh D, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; Gia đình có 03 anh, em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: - Tại bản án số 44 ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - thái N xử phạt Lưu Thanh P 09 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

- Ngày 26/9/2025 bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T khởi tố về tội Trộm cắp tài sản.

Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam P3, Cục A, Bộ C.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: **Trương Văn N1**, sinh ngày 20/7/2006

Nơi thường trú: Tổ dân phố B, phường S, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Văn Q (đã chết) và bà Đỗ Thị N2, sinh năm 1982; Gia đình có 02 chị, em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: - Tại bản án số 35 ngày 28/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công (nay là Toà án nhân dân khu vực 2 - thái N) xử phạt Trương Văn N1 40 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" và tội "Gây rối trật tự công cộng".

- Ngày 26/9/2025 bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T khởi tố về tội Trộm cắp tài sản.

Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại tạm giam số 1 – Công an tỉnh T.

(Có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại: 1. Cháu Nguyễn Sinh T, sinh ngày 27/12/2008

Đại diện cho cháu T: Anh Triệu Sinh T1, sinh năm 2002

Cùng trú tại: Bản K, xã T, tỉnh L

(Cháu T và anh T1 vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Cháu Trần Bảo N3, sinh ngày 03/12/2009

Đại diện hợp pháp cho cháu N3: Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1976

Cùng trú tại: Xóm N, xã Q, tỉnh T

(Cháu N3 và chị H1 vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Triệu Sinh T1, sinh năm 2002

Địa chỉ: B, xã Tân Tri, tỉnh L

2. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1976

Địa chỉ: Xóm N, xã Q, tỉnh T

3. Bà Nguyễn Thị N4, sinh năm 1971

Địa chỉ: TDP Đ, phường P, tỉnh T

(Anh T, chị H1, bà N4 đều vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Người làm chứng: Trần Đình H2, sinh ngày 24/7/2008

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị T2, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường B, tỉnh T

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài, sáng ngày 17/7/2025, sau khi đánh Bi a ở khu vực cầu vượt Đ thuộc phường P, tỉnh T, Lưu Thanh P và Trương Văn N1 đã rủ nhau đi tìm tài sản để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Đến hồi 04 giờ 16 phút, P và N1 đi đến khu vực nhà trọ của chị Dương Thị P1, ở TDP M, phường P, tỉnh T thì phát hiện nhà trọ của chị Dương Thị P1 không đóng cổng, N chỉ tay vào phía bên trong nhà trọ, P hiểu ý anh N1 là cùng nhau đi vào trong nhà trọ tìm tài sản trộm cắp. P đi vào trong cổng nhà trọ, còn N1 thì đứng ở ngoài để cảnh giới, P đi vào bên phía trong cổng thì thấy ở dãy trọ phía bên trái của nhà trọ có 01 (một) xe máy điện nhãn hiệu JVCECO, mang BKS 20MĐ5-052.43 của chị Trần Bảo N3 (sinh năm 2009, trú quán xóm N, xã Q, tỉnh T) đang dựng trước cửa

phòng, ở dãy trọ phía bên phải của nhà trọ có dựng 01 (một) xe mô tô HONDA Wave, màu đen, mang BKS 21K1-513.30 (là xe của anh Triệu Sinh T3, sinh năm 2008, trú quán B, xã T, tỉnh L) đều trong tình trạng không có khóa, hay biện pháp bảo vệ gì. Thấy vậy, P dắt chiếc xe mô tô BKS: 21K1-51xxx đi ra khỏi nhà trọ, khi dắt xe qua cổng nhà trọ thì N1 giúp P đẩy chiếc xe mô tô ra bãi đất trống gần đó. Tại đây P tháo mặt nạ và đấu tắt dây điện xe để nổ máy rồi cả hai cùng nhau điều khiển chiếc xe mô tô này đi quanh khu công nghiệp Đ. Trong quá trình di chuyển, N1 lại rủ P cùng nhau quay lại nhà trọ của chị P1 để tiếp tục lấy trộm chiếc xe máy điện thì P đồng ý, cả hai quay lại bãi đất trống gần nhà trọ, N1 đỗ xe mô tô chờ P, còn P đi bộ vào trong nhà trọ dắt chiếc xe máy điện này ra bãi đất trống rồi tháo lấy 05 (năm) chiếc bình ắc quy của xe máy điện, sau đó cả hai đem bán tại cơ sở thu mua phế liệu của bà Nguyễn Thị N4 được 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) rồi cùng nhau chi tiêu hết, còn chiếc xe máy điện thì để lại bãi đất trống. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, P điều khiển chiếc xe mô tô trộm cắp được đến phòng trọ của Trần Đình H2 (sinh năm 2008, đang thuê ở tổ dân phố M, phường P) đón H2 đi chơi Game tại quán C1 game tại khu vực Quảng trường S. Đến khoảng 16 giờ 30 cùng ngày, Trương Văn N1, Lưu Văn P2 và Trần Đình H2 đi chiếc xe môtô trộm cắp được đến quán G, phường P, tỉnh T để tiêu thụ thì bị Tổ Công tác của Công an phường P phát hiện thu giữ vật chứng.

Tại cơ sở thu mua phế liệu của bà Nguyễn Thị N4 thuộc TDP Đ, phường P, tỉnh T bà N4 đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan Công an 05 (năm) chiếc ắc quy của xe máy điện là những đồ vật mà bà N4 đã mua của N1 và P2 ngày 17/7/2025.

Ngày 19/7/2025, chị Trần Bảo N3 giao nộp 01 chiếc xe máy điện, BKS MDD - 052.43, xe không có bình ắc quy. Cơ quan CSĐT đã yêu cầu định giá chiếc xe mô tô, xe máy điện mà các bị cáo đã trộm cắp của anh Triệu Sinh T3 và chị Trần Bảo N3.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 4056 ngày 09/10/2025 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng hình sự tỉnh Thái Nguyên kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave mang BKS: 21K1-513xx màu đen, cũ, đã qua sử dụng, số máy JA39E2049635, số khung RLHJA392XL Y046685 tại thời điểm tháng 7/2025 có giá trị **8.625.000đ**. 01 (một) xe máy điện nhãn hiệu JVCECO mang BKS: 20MĐ5-052xx màu đen bạc, cũ, đã qua sử dụng, số máy JVCEVO60V800WC220900874, số khung RL9YDEKUMPBT33435 tại thời điểm tháng 7/2025 có giá trị là **3.750.000đ**. Hai chiếc xe sau đó đã được bàn giao cho các bị hại.

Quá trình điều tra, các bị cáo Lưu Thanh P, Trương Văn N1 đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với đơn trình báo, lời khai của bị hại, biên bản kiểm tra, xác định hiện trường, biên bản kiểm tra dữ liệu camera an ninh, Biên

bản thực nghiệm điều tra, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại được toàn bộ tài sản nên tự nguyện không yêu cầu bồi thường gì, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có yêu cầu, đề nghị gì.

Tại bản cáo trạng số: 44/CT-VKS – KV2, ngày 05/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thái Nguyên truy tố các bị cáo Lưu Thanh P và Trương Văn N1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt các bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều tự nguyện không có yêu cầu đề nghị gì đối với các bị cáo.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thái Nguyên đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Lưu Thanh P, Trương Văn N1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: - Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g Điều 52, Điều 17, 58, Điều 56 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, Điều 12, Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên, xử phạt bị cáo Lưu Thanh P từ **09** đến **12** tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 09 (chín) tháng tù tại bản án số: 44/2025/HS-ST ngày 25/9/2025 của Toà án nhân dân khu vực 2 – Thái Nguyên.

- Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g Điều 52, Điều 17, 58, Điều 56 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trương Văn N1 từ **15** đến **18** tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 40 (Bốn mươi) tháng tù tại bản án số: 35/2025/HS-ST ngày 28/6/2025 của Toà án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều tự nguyện không có yêu cầu đề nghị gì đối với các bị cáo nên đề nghị không xem xét.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và các bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có tranh luận gì. Lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Cơ quan cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thái Nguyên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo

không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Đối với việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt các bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Hội đồng xét xử thấy, các bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và tự nguyện không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì, những người trên đều đã có lời khai đầy đủ tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

Đối với bị cáo Lưu Thanh P, thời điểm bị cáo P thực hiện hành vi phạm tội bị cáo dưới 18 tuổi, nhưng đến thời điểm xét xử bị cáo P đã trên 18 tuổi nên không cần phải có sự tham gia tố tụng của người đại diện hợp pháp của bị cáo P và không cần phải cử trợ giúp viên pháp lý tham gia bào chữa cho bị cáo P.

[3]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận tội đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố và phù hợp với chính lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định: Hồi 04 giờ 16 phút ngày 17/7/2025, tại tổ dân phố M, phường P, tỉnh T, Lưu Thanh P, Trương Văn N1 có hành vi lén lút trộm cắp của anh Triệu Sinh T3 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave Honda, biển kiểm soát 21K1 - 513xx có trị giá **8.625.000 đồng**. Đến khoảng 04 giờ 30 phút, P và N1 tiếp tục trộm cắp của chị Trần Bảo N3 01 xe máy điện nhãn hiệu JVCECO, biển kiểm soát MĐ5 - 052xx trị giá 3**.750.000 đồng**. Tổng giá trị tài sản P và N1 trộm cắp được là **12.375.000 đồng** thì bị phát hiện và thu giữ vật chứng.

Xét, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và năng lực trách nhiệm hình sự nên buộc phải nhận thức và biết được việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Thế nhưng, các bị cáo vẫn thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Trong ngày 17/7/2025 bị cáo P và N1 đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave Honda, biển kiểm soát 21K1 - 513xx có trị giá **8.625.000 đồng** của anh Triệu Sinh T3 và chiếc xe máy điện nhãn hiệu JVCECO, biển kiểm soát MĐ5 - 052xx trị giá 3**.750.000 đồng** của chị Trần Bảo N3. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thái Nguyên truy tố các bị cáo Lưu Thanh P và Trương Văn N1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và lời buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Nội dung khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 50.000.000đồng.

[4]. Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp tới quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bức xúc cho nhân dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự của địa phương còn là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác. Hành vi đó cần phải xử lý nghiêm minh để răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Về vị trí, vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Các bị cáo P và N1 cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, cùng nhau đi tiêu thụ tài sản trộm cắp có được và cùng hưởng lợi nên các bị cáo có vị trí vai trò ngang nhau.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Phạm tội 02 lần trở lên", theo quy định tại các điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về nhân thân: Các bị cáo tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội thì chưa có tiền án tiền sự nhưng các bị cáo đã nhiều lần có hành vi vi phạm pháp luật và đã bị xét xử kết tội bằng bản án. Điều đó thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu và coi thường pháp luật. Nguyên nhân dẫn đến phạm tội Hội đồng xét xử xác định do bị cáo không chịu lao động để tạo ra thu nhập nên đã nảy sinh trộm cắp tài sản, chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Đối với bị cáo Lưu Thanh P, thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị cáo mới được 17 tuổi 09 tháng 20 ngày, là người dưới 18 tuổi phạm tội. Tuy nhiên, tính đến thời điểm xét xử bị cáo P đã trên 18 tuổi, hơn nữa bị cáo là người có nhân thân xấu, liên tục thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật, hiện nay bị cáo P đang chấp hành án tại Trại giam P3, nên việc giáo dục tại cộng đồng sẽ không hiệu quả, không đảm bảo phòng ngừa. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng đối với bị cáo P. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng những chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đối với bị cáo P và cần áp dụng các chính

sách nhân đạo của Nhà nước về đường lối xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội đối với bị cáo P.

Vì vậy, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc một mức án tương xứng với nhân thân, tính chất mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra. Xét thấy, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của BLHS năm 2015 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, sống phụ thuộc gia đình và không có tài sản riêng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều tự nguyện không có yêu cầu đề nghị gì đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Đối với người bà Nguyễn Thị N4 là người đã mua 05 bình ắc quy do P và N1 mang đến bán, nhưng khi mua bà N4 không biết đó là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát không có căn cứ để xử lý.

[9]. Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội về tội danh, mức hình phạt, xử lý vật chứng vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[10]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự nộp ngân sách Nhà nước theo quy định pháp luật.

[11]. Thông báo về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 56, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Điều 12, Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo Lưu Thanh P.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 56, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trương Văn N1.

- Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lưu Thanh P, bị cáo Trương Văn N1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt

- Xử phạt: Bị cáo Lưu Thanh P **12** (Mười hai) tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án này và hình phạt 09 (chín) tháng tù theo bản án số: 44/2025/HS-ST ngày 25/9/2025 của Toà án nhân dân khu vực 2 – Thái Nguyên, buộc bị cáo Lưu Thanh P phải chấp hình phạt chung của hai bản án là **21** (Hai mươi mốt) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo P chấp hành bản án số: 44/2025/HS-ST ngày 25/9/2025 của Toà án nhân dân khu vực 2 – Thái Nguyên (là ngày 22/7/2025).

- Xử phạt: Bị cáo Trương Văn N1 **18** (Mười tám) tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án này và hình phạt 40 (Bốn mươi) tháng tù theo bản án số: 35/2025/HS-ST ngày 28/6/2025 của Toà án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, buộc bị cáo Trương Văn N1 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 58 (Năm mươi tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án số: 35/2025/HS-ST ngày 28/6/2025 của Toà án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/6/2024 đến ngày 26/6/2024.

3. Về án phí sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

4. Thông báo quyền kháng cáo: Có mặt các bị cáo báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, vắng mặt bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND khu vực 2 – Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thủy